

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Thông tin tuyển sinh năm 2025
của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 26/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Y khoa trực thuộc Đại học Huế thành Trường Đại học Y - Dược trực thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non và Thông tư 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này Thông tin tuyển sinh năm 2025 của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Phòng Đào tạo đại học, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Vũ Quốc Huy

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHYD ngày tháng 4 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.
2. **Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** DHY.
3. **Địa chỉ các trụ sở:** 06 Ngô Quyền, phường Vĩnh Ninh, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.
4. **Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://huemed-univ.edu.vn>
5. **Số điện thoại liên hệ tuyển sinh**
 - Đại học Huế: 0234.3825866.
 - Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế: 0234.3822173.
 - Phòng Đào tạo đại học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế: 0234.3883867.
6. **Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh**
https://tuyensinh.hueuni.edu.vn/News/Detail/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2023-cua-dai-hoc-hue_20230329075213
7. **Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo**
<https://huemed-univ.edu.vn/cong-khai-thong-tin>
<https://huemed-univ.edu.vn/thong-bao/phong-dao-cao-dai-hoc/bao-cao-ket-qua-thuc-hien-chi-tieu-nam-2024-va-dang-ky-chi-tieu-tuyen-sinh-nam-2025-861>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức)

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

1.2. Đối tượng dự tuyển quy định phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

2.1. Phương thức 1(mã 100): Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

2.2. Phương thức 2 (mã 409): Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế thành điểm môn tiếng Anh (áp dụng đối với ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt, Dược học).

2.3. Phương thức 3 (mã 301): Xét tuyển thẳng (theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT), dự bị Trung ương)

a) Tuyển thẳng thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

- Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT cử tham gia, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; cụ thể trong các trường hợp sau:

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành đào tạo của Trường; cụ thể như sau:

STT	Ngành tuyển thẳng	Tiêu chí tuyển thẳng
1	Y khoa	- Thí sinh đạt giải Olympic quốc tế, khu vực (Vàng, Bạc, Đồng) hoặc thành viên đội tuyển quốc tế các môn: Toán, Hóa học, Sinh học - Thí sinh đạt giải ba trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT môn: Toán, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh.
2	Răng - Hàm - Mặt	

STT	Ngành tuyển thẳng	Tiêu chí tuyển thẳng
3	Dược học	- Thí sinh đạt giải Olympic quốc tế, khu vực (Vàng, Bạc, Đồng) hoặc thành viên đội tuyển quốc tế các môn: Toán, Hóa học, Sinh học, Vật lý - Thí sinh đạt từ giải ba trở lên trong kì thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT môn Toán, Hóa học, Sinh học, Vật lý, Tiếng Anh.
4	Kỹ thuật hình ảnh y học	
5	Y học cổ truyền	- Thí sinh đạt giải Olympic quốc tế, khu vực (Vàng, Bạc, Đồng) hoặc thành viên đội tuyển quốc tế các môn: Toán, Hóa học, Sinh học - Thí sinh đạt từ giải ba trở lên trong kì thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT môn Toán, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh.
6	Y học dự phòng	
7	Điều dưỡng	
8	Hộ sinh	
9	Kỹ thuật xét nghiệm y học	
10	Y tế công cộng	
11	Dinh dưỡng	

+ Thí sinh đạt giải Cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, Hội thi Khoa học kỹ thuật quốc tế (ISEF) do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: Hội đồng Tuyển sinh của Trường sẽ xem xét từng dự án hoặc đề tài của thí sinh để tuyển thẳng, cụ thể:

- Thí sinh đạt giải Hội thi Khoa học kỹ thuật quốc tế (ISEF): được xem xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành phù hợp với nội dung đề tài dự thi của thí sinh.

- Thí sinh đoạt giải nhất Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia có đề tài đoạt giải phù hợp với ngành đào tạo được xem xét tuyển thẳng vào ngành Y học cổ truyền, Y học dự phòng.

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia có đề tài đoạt giải phù hợp với ngành đào tạo được xem xét tuyển thẳng vào các ngành: Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Y tế công cộng, Dinh dưỡng.

- Nếu số lượng hồ sơ đăng ký vượt chỉ tiêu tuyển thẳng, Trường xét theo tiêu chí ưu tiên:

- + Ưu tiên 1: Cấp đạt giải (Quốc tế, Quốc gia);
- + Ưu tiên 2: Thứ tự đạt giải;
- + Ưu tiên 3: Điểm trung bình chung học tập lớp 10, lớp 11, lớp 12.

b) Tuyển thẳng đối với thí sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học

Thực hiện theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học.

- Chỉ tiêu cho các thí sinh đã hoàn thành chương trình Dự bị đại học năm học 2024 - 2025, như sau:

- + Ngành Y khoa: 5 chỉ tiêu.
- + Các ngành còn lại: không quá 5% chỉ tiêu của mỗi ngành.
- Điều kiện trúng tuyển:

Đáp ứng yêu cầu về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GDĐT đối với nhóm ngành sức khỏe. Về kết quả học dự bị theo tổ hợp xét tuyển (3 môn trong tổ hợp xét tuyển, không nhân hệ số): Đạt 24 trở lên đối với ngành Y khoa và ngành Răng - Hàm - Mặt; đạt 22 điểm trở lên đối với các ngành khác.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh: Ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển được quy đổi như sau:

Thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống của Bộ GDĐT theo quy định.

- Điểm xét tuyển: là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển = tổng điểm các bài thi/môn thi (a) + điểm ưu tiên (b)

(a) = điểm bài thi môn 1 + điểm môn thi môn 2 + điểm môn thi môn 3

(b) = điểm ưu tiên đối tượng, khu vực

- Điểm trúng tuyển: là điểm xét tuyển thấp nhất mà thí sinh được xét trúng tuyển cho ngành đào tạo.

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số). Tổng điểm ưu tiên được tính theo quy định của Bộ GDĐT.

- Thí sinh có thể dùng điểm chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (IELTS hoặc TOEFL iBT) quy đổi để thay thế cho điểm thi môn tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển (áp dụng đối với ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt, Dược học), cụ thể như sau:

+ Điều kiện: • Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn 02 năm tính đến ngày 25/7/2025

• IELTS đạt từ 6.5 trở lên hoặc TOEFL iBT đạt từ 79 trở lên

+ Điểm xét tuyển là tổng điểm hai môn thi tốt nghiệp cùng điểm quy đổi chứng chỉ và điểm ưu tiên (nếu có).

+ Điểm quy đổi Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế năm 2025 của Nhà trường thực hiện theo khung chung của Đại học Huế nhưng chỉ sử dụng chứng chỉ IELTS và TOEFL iBT:

IELTS	TOEFL iBT	Điểm quy đổi	Ghi chú
7.0 – 9.0	94 trở lên	10	Đơn vị cấp chứng chỉ: - TOEFL iBT: Educational Testing Service (ETS).
6.5	79 - 93	9.5	- IELTS: British Council (BC); International Development Program (IDP).

Lưu ý: (*) không sử dụng TOEFL iBT Home Edition

+ Nhà trường sẽ kiểm tra chứng chỉ tiếng Anh quốc tế bản gốc khi thí sinh nhập học, nếu thí sinh không đảm bảo điều kiện như quy định sẽ bị loại ra khỏi danh sách trúng tuyển.

+ Thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống của Bộ GDĐT theo quy định kèm theo chứng chỉ tiếng Anh quốc tế. Riêng chứng chỉ tiếng Anh Quốc tế nộp online cho Ban Đào tạo và Công tác sinh viên, Đại học Huế:

- Thông báo nộp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sẽ được đăng tải tại địa chỉ:

<https://tuyensinh.hueuni.edu.vn/News/Category/thong-bao-tuyen-sinh>

- Thí sinh nhập tên loại chứng chỉ tiếng Anh quốc tế, điểm của chứng chỉ và điểm quy đổi lên hệ thống của Đại học Huế

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Địa chỉ đào tạo: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, 06 Ngô Quyền, phường Vĩnh Ninh, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
1	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	440	- <i>Phương thức 1 (mã 100):</i> 1. B00: Toán, Sinh học, Hóa học 2. B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh 3. D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh - <i>Phương thức 2 (mã 409):</i> 1. B08-1: Toán, Sinh học, Tiếng Anh (quy đổi) 2. D07-1: Toán, Hóa học, Tiếng Anh (quy đổi) - <i>Phương thức 3 (mã 301): Tuyển thẳng</i>
2	7720501	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	160	- <i>Phương thức 1 (mã 100):</i> 1. A00: Toán, Hóa học, Vật lý 2. B00: Toán, Hóa học, Sinh học 3. D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh - <i>Phương thức 2 (mã 409):</i> 1. D07-1: Toán, Hóa học, Tiếng Anh (quy đổi) - <i>Phương thức 3 (mã 301): Tuyển thẳng</i>
3	7720201	Dược học	7720201	Dược học	210	- <i>Phương thức 1 (mã 100):</i> 1. A00: Toán, Hóa học, Vật lý 2. B00: Toán, Hóa học, Sinh học 3. D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh - <i>Phương thức 2 (mã 409):</i> 1. D07-1: Toán, Hóa học, Tiếng Anh (quy đổi) - <i>Phương thức 3 (mã 301): Tuyển thẳng</i>
4	7720110	Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	70	- <i>Phương thức 1 (mã 100):</i> 1. B00: Toán, Sinh học, Hóa học 2. B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh 3. D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh - <i>Phương thức 3 (mã 301): Tuyển thẳng</i>
5	7720115	Y học cổ truyền	7720115	Y học cổ truyền	150	- <i>Phương thức 1 (mã 100):</i> 1. A00: Toán, Hóa học, Vật lý
6	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y	7720602	Kỹ thuật	100	- <i>Phương thức 1 (mã 100):</i> 1. A00: Toán, Hóa học, Vật lý

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
		học		hình ảnh y học		2. B00: Toán, Sinh học, Hóa học 3. B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh 4. D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh - Phương thức 3 (mã 301): Tuyển thẳng
7	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	270	- Phương thức 1 (mã 100): 1. B00: Toán, Sinh học, Hóa học 2. B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh 3. D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh - Phương thức 3 (mã 301): Tuyển thẳng
8	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	170	
9	7720302	Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	50	
10	7720701	Y tế công cộng	7720701	Y tế công cộng	20	
11	7720401	Dinh dưỡng	7720401	Dinh dưỡng	50	
TỔNG CỘNG					1690	

** Lưu ý: Trường dành 10% chỉ tiêu tuyển thẳng cho mỗi ngành. Nếu thí sinh trúng tuyển diện tuyển thẳng nhập học không đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu tuyển thẳng còn lại sẽ dành cho phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.*

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- Ngưỡng đầu vào: Theo quy định của Bộ GDĐT và Hội đồng Tuyển sinh Đại học Huế.
- Đối với thí sinh tốt nghiệp các năm trước: Không sử dụng kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT các năm trước để xét tuyển vào Trường (trừ các thí sinh xét tuyển thẳng đối tượng dự bị đại học).
- Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

+ Khi thí sinh trúng tuyển nhập học, Hội đồng Tuyển sinh của Trường tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp, đặc biệt là giấy tờ để được hưởng chế độ ưu tiên của thí sinh, tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển. Các sai sót nếu có, sẽ được xử lý theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Trong quá trình xét tuyển và khi sinh viên đang theo học, Trường và Đại học Huế sẽ tổ chức thanh, kiểm tra hồ sơ và điểm xét tuyển của thí sinh. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin đăng ký trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT. Trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin.

6. Tổ chức tuyển sinh

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh chung của Đại học Huế.

- Thời gian tuyển sinh: Trường thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh năm 2025 của Bộ GDĐT và kế hoạch tuyển sinh của Đại học Huế.

- Hình thức nhận đăng ký xét tuyển

+ Thí sinh đăng ký xét tuyển các ngành của Trường theo quy định của Bộ GDĐT và Đại học Huế.

+ Nhận hồ sơ chứng chỉ ngoại ngữ, tuyển thẳng: theo Thông báo của Đại học Huế đăng tải tại website: <https://tuyensinh.hueuni.edu.vn/>

7. Chính sách ưu tiên

Theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Điểm ưu tiên thí sinh được hưởng = $[(30 - \text{tổng điểm đạt được của thí sinh})/7,5] \times \text{Tổng điểm ưu tiên được xác định thông thường}$.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Do Bộ GDĐT và Đại học Huế quy định.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Nhà trường sẽ xem xét giải quyết mọi trường hợp khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh theo các quy định hiện hành.

- Thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự chính xác của những thông tin đăng ký dự tuyển. Nếu phát hiện sai sót, Nhà trường sẽ xử lý theo quy định hiện hành.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

10.1. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Mức học phí đối với sinh viên mới tuyển sinh năm học 2025-2026:

Đvt: đồng

STT	Ngành học	Mức học phí năm học 2025-2026
1	Y khoa	61.100.000
2	Răng Hàm Mặt	61.100.000
3	Dược học	61.100.000
4	Y học cổ truyền	55.000.000
5	Y học dự phòng	43.000.000
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	43.000.000
7	Kỹ thuật hình ảnh y học	43.000.000
8	Điều dưỡng	43.000.000
9	Hộ sinh	40.000.000
10	Dinh dưỡng	40.000.000
11	Y tế công cộng	36.600.000

- Lộ trình tăng học phí cho từng năm: tối đa tăng 15%/năm và Nhà trường sẽ điều chỉnh mức tăng phù hợp với các văn bản sửa đổi, bổ sung khác (nếu có).

10.2. Học bổng và các chế độ chính sách hỗ trợ sinh viên

a) Học bổng khuyến khích học tập (HBKKHT)

- Trung bình mỗi năm học Nhà trường xét cấp HBKKHT cho khoảng 900 sinh viên có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên với kinh phí hơn 18 tỷ

đồng. Quỹ HBKKHT được bố trí tối thiểu 08% từ nguồn thu học phí của sinh viên.

- Xếp loại và các mức HBKKHT gồm 3 mức: Khá (bằng mức trần học phí), Giỏi (bằng 125% mức Khá), Xuất sắc (bằng 150% mức Khá).

b) Học bổng tài trợ

Nhà trường thường xuyên tìm kiếm các nguồn học bổng tài trợ từ các tổ chức / cá nhân trong và ngoài nước (gần 40 loại học bổng) hỗ trợ cho khoảng 800 sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện tốt, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn có tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập với tổng kinh phí khoảng 8,5 tỷ đồng / năm học (trung bình mỗi suất học bổng từ 10-15-20 triệu đồng, có những học bổng có thể đủ chi phí học tập – sinh hoạt / cấp cả khóa học, ...).

c) Các chế độ chính sách khác

- Việc xét miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội cho các sinh viên thuộc diện gia đình chính sách được thực hiện đầy đủ theo các quy định hiện hành của Bộ GDĐT vào mỗi học kỳ học tập của sinh viên, trung bình mỗi năm học có khoảng 900 lượt sinh viên được miễn giảm học phí, hỗ trợ, trợ cấp với tổng số tiền gần 06 tỷ đồng.

- Sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn được tạo điều kiện hỗ trợ thủ tục vay vốn tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương thông qua hộ gia đình (mức vay tương đương học phí và chi phí sinh hoạt hiện nay là 4,0 triệu /tháng, lãi suất ưu đãi là 0,55%).

11. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển (Thang điểm 10)	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển (Thang điểm 10)	
	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	- PT1: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT	440	459	PT1: 26,30 PT2: 25,50	460	473	PT1: 26,00 PT2: 24,50	
	7720501	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	- PT2: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT, kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế	175	183	PT1: 25,95 PT2: 25,20	155	159	PT1: 25,80 PT2: 23,80	
	7720201	Dược học	7720201	Dược học	- PT3: Tuyển thẳng.	248	254	PT1: 24,55 PT2: 22,55	215	222	PT1: 24,70 PT2: 22,70	
	7720110	Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	- PT1: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT - PT2: Tuyển thẳng.	70	72	19,00	70	47	19,05	
	7720115	Y học cổ truyền	7720115	Y học cổ truyền		171	175	23,50	160	162	22,70	
	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng		302	305	19,90	220	205	19,05	
	7720302	Hộ sinh	7720302	Hộ sinh		30	23	19,00	40	12	19,00	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển (Thang điểm 10)	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển (Thang điểm 10)	
	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học		190	194	21,70	160	146	20,70	
	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học		129	132	19,80	100	94	19,05	
	7720701	Y tế công cộng	7720701	Y tế công cộng		10	8	15,00	20	6	16,00	
	7720401	Dinh dưỡng	7720401	Dinh dưỡng		30	16	15,00				

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Liên thông chính quy và liên thông vừa làm vừa học)

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHYD ngày tháng 4 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)*

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** DHY.
- 3. Địa chỉ các trụ sở:** 06 Ngô Quyền, phường Vĩnh Ninh, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://huemed-univ.edu.vn>
- 5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh**
 - Đại học Huế: 0234.3825866.
 - Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế: 0234.3822173.
 - Phòng Đào tạo đại học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế: 0234.3883867.
- 6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh**
https://tuyensinh.hueuni.edu.vn/News/Detail/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2023-cua-dai-hoc-hue_20230329075213
- 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo**
<https://huemed-univ.edu.vn/cong-khai-thong-tin>
<https://huemed-univ.edu.vn/thong-bao/phong-dao-cao-dai-hoc/bao-cao-ket-qua-thuc-hien-chi-tieu-nam-2024-va-dang-ky-chi-tieu-tuyen-sinh-nam-2025-861>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức)

Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng và chứng chỉ hành nghề đúng theo ngành/chuyên ngành tuyển sinh.

1.2. Đối tượng dự tuyển quy định phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào;

- Đối với ngành Dược học phải đạt một trong những tiêu chí sau:
 - + Học lực lớp 12 đạt loại giỏi trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp trung học phổ thông (THPT) đạt từ 8,0 trở lên;
 - + Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
 - + Tốt nghiệp cao đẳng đạt loại giỏi trở lên;
 - + Tốt nghiệp trình độ cao đẳng đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
- Đối với các ngành: Điều dưỡng (chuyên ngành Điều dưỡng đa khoa), Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học phải đạt một trong những tiêu chí sau:
 - + Học lực lớp 12 đạt loại khá hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên;
 - + Tốt nghiệp THPT loại khá, hoặc có học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
 - + Tốt nghiệp trình độ cao đẳng đạt loại khá trở lên.
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp THPT (tổ hợp B00) và điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá Cao đẳng.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh: Điểm trúng tuyển được quy đổi như sau:

Điểm xét tuyển = Tổng điểm đạt được của thí sinh + Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó:

· Tổng điểm đạt được của thí sinh = (Trung bình chung môn Toán 3 năm THPT + Trung bình chung môn Hoá 3 năm THPT + Trung bình chung môn Sinh 3 năm THPT + Trung bình chung tích lũy toàn khoá Cao đẳng (theo thang điểm 10))/40*30.

· Điểm ưu tiên = [(30 - tổng điểm đạt được của thí sinh)/7,5] x Tổng điểm ưu tiên được xác định thông thường.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Địa chỉ đào tạo: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, 06 Ngô Quyền, phường Vĩnh Ninh, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
1. Liên thông chính quy từ cao đẳng					60	Xét kết quả học tập cấp THPT (tổ hợp B00) và điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa Cao đẳng
1	7720201	Dược học	7720201	Dược học	60	
2. Liên thông vừa làm vừa học từ cao đẳng					200	
2	7720301	Điều dưỡng (Chuyên ngành Điều dưỡng đa khoa)	7720301	Điều dưỡng	100	
3	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	30	
4	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	70	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

** Điều kiện nhận hồ sơ đăng kí dự thi:*

- Về phẩm chất chính trị

Lý lịch bản thân và gia đình rõ ràng, hoàn thành các nhiệm vụ được giao, phẩm chất đạo đức tốt, chấp hành đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Những người đang trong thời gian thi hành kỷ luật từ khiển trách trở lên không được dự tuyển.

- Về văn bằng, chứng chỉ

+ Bằng tốt nghiệp cao đẳng: Thí sinh dự thi phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành phù hợp.

+ Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên.

+ Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Về sức khoẻ

Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ

a) Thời gian phát hành hồ sơ và thời hạn nộp hồ sơ:

Theo Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ đại học Y - Dược năm 2025 của Trường Đại học Y - Dược.

b) Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Đào tạo đại học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, 06 Ngô Quyền, phường Vĩnh Ninh, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.

6.2. Hình thức nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển: Hồ sơ đăng ký dự tuyển phải được nộp trực tiếp tại địa điểm nêu trên và đúng thời gian quy định, trường không nhận hồ sơ khi thiếu một trong những giấy tờ đã quy định: Thí sinh phải ghi đầy đủ nội dung theo mẫu trong hồ sơ, trên bì hồ sơ và phải sắp xếp giấy tờ trong hồ sơ theo đúng thứ tự sau đây:

a) Phiếu đăng ký dự thi theo mẫu quy định của Trường Đại học Y - Dược.

b) Bản sao hợp pháp các giấy tờ liên quan tới quá trình học tập như sau:

- Bằng tốt nghiệp và bảng điểm/học bạ các môn học trong chương trình đào tạo cao đẳng chuyên ngành phù hợp. (Nếu thí sinh đã học liên thông từ trung cấp lên cao đẳng thì phải nộp thêm bằng tốt nghiệp và bảng điểm/học bạ các môn học trong chương trình đào tạo trung cấp chuyên ngành phù hợp).

- Bằng tốt nghiệp Trung học Phổ thông theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên.

- Học bạ Trung học Phổ thông.

c) Bản sao hợp pháp giấy khai sinh.

d) Bản sao hợp pháp:

+ Chứng chỉ hành nghề Dược (theo Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ) đối với thí sinh đăng ký dự thi liên thông ngành Dược học.

+ Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ và Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế) đối với thí sinh đăng ký dự thi liên thông các ngành còn lại.

e) Bản sao hợp pháp Quyết định tuyển dụng công chức, viên chức hoặc Hợp đồng lao động (đối với những thí sinh cần điều kiện về thời gian kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo để đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào hoặc để xếp ưu tiên trong tuyển sinh).

f) Giấy chứng nhận chính sách ưu tiên trong tuyển sinh của cơ quan có thẩm quyền.

g) Giấy xác nhận đủ sức khỏe để học tập do cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền cấp.

h) Hai ảnh chụp không quá 6 tháng cỡ 3 x 4 (01 ảnh dán vào phiếu đăng ký dự thi và đóng dấu giáp lai). Hai phong bì có dán tem và ghi tên, địa chỉ của thí sinh.

6.3. Điều kiện trúng tuyển

Thí sinh đạt điểm trúng tuyển do Hội đồng tuyển sinh của trường quy định theo từng ngành xét tuyển.

7. Chính sách ưu tiên

- Chính sách ưu tiên theo khu vực: Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khu vực tuyển sinh tương ứng với nơi thí sinh đang công tác.

- Chính sách ưu tiên theo đối tượng: Thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy hiện hành.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Lệ phí hồ sơ đăng ký xét tuyển và lệ phí xét tuyển: Hiệu trưởng quyết định mức thu theo nguyên tắc bù đắp chi phí hợp lý, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật (Mức lệ phí cụ thể được quy định trong Thông báo Tuyển sinh).

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

- Nhà trường sẽ xem xét giải quyết mọi trường hợp khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh theo các quy định hiện hành.

- Thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự chính xác của những thông tin đăng ký dự tuyển. Nếu phát hiện sai sót, Nhà trường sẽ xử lý theo quy định hiện hành.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

10.1. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Mức học phí đối với sinh viên mới tuyển sinh năm học 2025-2026:

Đvt: đồng

STT	Ngành học	Mức học phí năm học 2025-2026
1	Dược học	61.100.000
2	Điều dưỡng	38.700.000
3	Kỹ thuật xét nghiệm y học	38.700.000
4	Kỹ thuật hình ảnh y học	38.700.000

- Lộ trình tăng học phí cho từng năm: tối đa tăng 15%/năm và Nhà trường sẽ điều chỉnh mức tăng phù hợp với các văn bản sửa đổi, bổ sung khác (nếu có)/.